

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /SNNMT-TSBĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

V/v đề nghị báo cáo thực trạng, định hướng và những đề xuất, kiến nghị đối với tình hình Nuôi trồng thủy sản, Khai thác, Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Bảo vệ môi trường biển

Kính gửi: UBND các xã, phường và đặc khu Lý Sơn.

Thực hiện Công văn số 1811/UBND-NNMT ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh về việc tổ chức Hội nghị về nuôi trồng thủy sản và khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản bền vững trên địa bàn tỉnh;

Để có cơ sở xây dựng nội dung Báo cáo trình bày tại 02 Hội nghị “Hội nghị phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Quảng Ngãi - Tiềm năng và cơ hội” và “Hội nghị Khai thác, Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Môi trường biển tỉnh Quảng Ngãi - Thách thức và định hướng”, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND các xã, phường và đặc khu Lý Sơn phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo thực trạng tình hình Nuôi trồng thủy sản, Khai thác, Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Bảo vệ môi trường biển, những đề xuất, kiến nghị, định hướng và giải pháp trong thời gian đến theo đề cương kèm theo (*chi tiết tại các phụ lục*). Báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Chi cục Thủy sản - Biển đảo*) **chậm nhất ngày 15/9/2025** để Sở kịp thời tổng hợp, tổ chức Hội nghị.

2. Cung cấp thông tin lãnh đạo và chuyên viên phụ trách lĩnh vực thủy sản (*họ tên, chức vụ, số điện thoại*) để Sở liên hệ trong quá trình tổng hợp, liên hệ công tác. *Mọi thắc mắc liên hệ Bà Lê Thị Ngọc Hà - Chi cục Thủy sản - Biển đảo, số điện thoại 0977224773.*

Kính đề nghị UBND các xã, phường và đặc khu Lý Sơn quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở (A. Bình);
- Chi cục Thủy sản - Biển đảo;
- Lưu: VT, TSBĐnnthủy.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Bình

Phụ lục 1
ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN,
KHAI THÁC, BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Kèm theo Công văn số

/SNNMT-TSBĐ ngày

/9/2025 của Sở Nông nghiệp và

Môi trường)

I. BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU NĂM 2024 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Công tác chỉ đạo điều hành, tham mưu quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản của địa phương, công tác triển khai Luật Thủy sản năm 2017

2. Tình hình quy hoạch sử dụng đất trong nuôi trồng thủy sản tại địa phương

- Hiện trạng quy hoạch, bố trí diện tích nuôi trồng thủy sản tại địa phương.
- Định hướng vùng nuôi và diện tích tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản.
- Các khó khăn, vướng mắc trong quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản.

3. Thực trạng nuôi trồng thủy sản tại địa phương năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025

- **Diện tích, sản lượng, đối tượng nuôi chủ lực đối với từng loại hình nuôi (nuôi nước lợ/ nuôi biển/ nuôi nước ngọt) tại địa phương:** Nêu khái quát tổng số lượng hộ nuôi, diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản tương ứng với từng loại hình nuôi (nuôi nước lợ/ nuôi biển/ nuôi nước ngọt) và cung cấp số liệu cụ thể tại **Phụ lục 2. Lưu ý:** Địa phương ven biển cung cấp số liệu diện tích ao hồ nuôi trồng thủy sản (tính diện tích ao hồ sử dụng cho một lần thả nuôi), số liệu cộng dồn diện tích thả nuôi (tính tổng diện tích các vụ nuôi).

- **Hạ tầng kỹ thuật, môi trường vùng nuôi:** Hệ thống điện, nước, giao thông, đầu tư hệ thống ao/lồng, cơ sở chế biến, ... Hiện trạng ô nhiễm môi trường vùng nuôi, giải pháp (nếu có).

- **Giống thủy sản và thức ăn:** Hiện trạng cung ứng giống thủy sản, nguồn gốc con giống; số lượng cơ sở sản xuất ương dưỡng giống thủy sản, cơ sở sản xuất và kinh doanh thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường hiện nay.

- **Đầu ra sản phẩm:** Thị trường tiêu thụ; số lượng cơ sở chế biến; tình hình hoạt động và hiệu quả của chuỗi liên kết (nếu có).

- **Công tác phòng chống dịch bệnh:**

Công tác tuyên truyền, chỉ đạo, quản lý của địa phương. Diện tích, đối tượng nuôi bị bệnh, số lượng con giống bị thiệt hại (nếu có). Hỗ trợ của địa phương đối với những diện tích nuôi thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh.

- **Thiệt hại do thiên tai (nếu có):** Diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai; giá trị thiệt hại. Hỗ trợ của địa phương đối với những diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.

- **Thống kê danh sách** các cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản tại địa phương. Kết quả thống kê danh sách theo mẫu tại **Phụ lục 3** gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua *Chi cục Thủy sản - Biển đảo*) **chậm nhất ngày 25/9/2025**.

4. Mô hình khuyến nông đang triển khai thực hiện tại địa phương (số lượng, tên mô hình, quy mô, địa điểm, đơn vị thực hiện).

II. BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ KHAI THÁC, BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN, MÔI TRƯỜNG BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU NĂM 2024 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Phát triển tàu thuyền đánh bắt xa bờ. Sản lượng khai thác thủy sản (biển, nước ngọt).

2. Xây dựng các tổ chức nghề cá.

3. Phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ thủy sản.

4. Công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; công tác thành lập các tổ cộng đồng trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

5. Thực hiện Luật Thủy sản năm 2017 và chống khai thác IUU.

6. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường biển.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

2. Lĩnh vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi, môi trường biển, thành lập tổ cộng đồng trong thủy sản.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các giải pháp cấp thiết để tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả nuôi trồng, khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi, môi trường biển phát triển bền vững.

2. Các đề xuất đối với cấp trên, các ngành liên quan.

Phụ lục 2
Tổng hợp kết quả nuôi trồng thủy sản năm 2024, 9 tháng đầu năm 2025
và kế hoạch năm 2026

(Kèm theo Công văn số

/SNNMT-TSBD ngày

/9/2025 của Sở Nông nghiệp và

Môi trường)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	TH năm 2024	Năm 2025					KH 2026	Ước TH 9 tháng đầu năm 2025 so với KH 2025 (%)
				KH 2025	Ước TH 9 tháng đầu năm	Vụ 1	Vụ 2	Vụ đông		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11=6/5
I	DIỆN TÍCH	ha								
1	Nuôi nước lợ	ha								
1.1	Nuôi tôm	ha								
	- Tôm sú	ha								
	- Tôm chân trắng:	ha								
	+ Trên cát	ha								
	+ Vùng triều	ha								
1.2	Thủy sản khác	ha								
	- Cua	ha								
	- Ốc hương	ha								
	- Cá các loại	ha								
	- Nuôi lồng									
	+ Số lượng lồng	Lồng								
	+ Tổng thể tích	m ³								
2	Nuôi mặn(biển)	m³								
2.1	Tôm hùm	m ³								
2.2	Cá các loại	m ³								
2.3	Thủy sản khác	m ³								
3	Nuôi nước ngọt	ha								
3.1	Ao hồ nhỏ	ha								
3.2	Hồ chứa	ha								
3.3	Nuôi lồng									
	- Số lượng lồng	Lồng								
	- Tổng thể tích	m ³								
II	SẢN LƯỢNG	tấn								
1	Nuôi nước lợ	tấn								
1.1	Nuôi tôm	tấn								
	- Tôm sú	tấn								
	- Tôm chân trắng	tấn								
	+ Trên cát	tấn								
	+ Vùng triều	tấn								
1.2	Thủy sản khác	tấn								
	- Cua	tấn								

	- Ốc hương	tấn							
	- Cá các loại	tấn							
	- Nuôi lồng	tấn							
2	Nuôi mặn (biển)	tấn							
2.1	Tôm hùm	tấn							
2.2	Cá các loại	tấn							
2.3	Thủy sản khác	tấn							
3	Nuôi nước ngọt	tấn							
3.1	Ao hồ nhỏ	tấn							
3.2	Hồ chứa	tấn							
3.3	Nuôi lồng	tấn							

Phụ lục 3: Thống kê danh sách cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường NTTS năm 2025

(Kèm theo Công văn số

/SNNMT-TSBD ngày

/9/2025 của Sở Nông nghiệp và

Môi trường)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	SDT	Diện tích ao/lồng (ha/m ³)	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi		
						Quảng canh	Bán thâm canh	Thâm canh
I	CƠ SỞ NTTS	(địa chỉ nơi nuôi cần nêu rõ thôn, xã)						
...								
II	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN							
....								
III	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỨC ĂN, SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NTTS							
....								